TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

2. Bà Trương Ánh Hoa

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 984/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2209/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Du Thị N, sinh năm: 1982. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường HN, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn H, sinh năm: 1978. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường HN, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Du Thị N trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Văn H chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/02/2004. Thời gian chung sống, chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H không hài lòng việc giao thiệp của chị, thường ghen tuông vô cớ, nghi ngờ lòng chung thủy của chị nên vợ chồng thường xuyên cự cải. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị đã không còn sống chung nhà với anh H. Không thể tiếp tục chung sống với anh H. Nay chị yêu cầu ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 03 người con chung là Hồ Hải E1, sinh ngày 15/10/2000; Hồ Quốc T, sinh ngày 09/02/2004; Hồ Triệu P, sinh ngày 22/02/2015. Hồ

Hải E và Hồ Quốc T đang sống chung với anh H, Hồ Triệu P đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng Hồ Triệu P, giao Hồ Quốc T cho anh H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Hồ Quốc T, chị không cấp dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hồ Hải E đã trưởng thành khỏe mạnh, chị không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh H không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Du Thị N chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/02/2004. Thời gian chung sống, anh và chị N có cự cải nhau nhưng không có mẫu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân là do chị N thường đi đêm về khuya không vì công việc mà chị N đi nhậu với bạn bè. Anh không đồng ý việc phụ nữ nhậu với nam giới đến khuya nên có ý kiến phản đối. Dù vậy nhưng sau đó vợ chồng vẫn trò chuyện và chung sống với nhau. Vì anh còn thương chị N nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị N có 03 người con chung là Hồ Hải E, sinh ngày 15/10/2000; Hồ Quốc T, sinh ngày 09/02/2004; Hồ Triệu P, sinh ngày 22/02/2015. Các con đang sống chung với anh và chị N. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng Hồ Quốc T và Hồ Triệu P, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hồ Hải E đã trưởng thành nên anh không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh H trình bày và xác định quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngoài việc chị N thường đi đêm về khuya, nhậu với nam giới, chị N còn quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác nên anh và chị N cự cải nhiều hơn. Chị N cương quyết ly hôn với anh, anh không thuyết phục được chị N trở về tiếp tục chung sống với anh nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N. Thật lòng anh không muốn lý hôn.

- Về con chung: Anh nhận nuôi Hồ Quốc T, đồng ý giao Hồ Triệu P cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Du Thị N và anh Hồ Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị N xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh Hồ Văn H cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Du Thị N và anh Hồ Văn H khai nhận anh, chị chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống, chị N xác

định chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ lòng chung thủy của chị nên vợ chồng thường xuyên cự cải, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh H đã không còn sống chung nhà. Chị N cương quyết ly hôn. Anh H xác định vợ chồng có cự cải nhưng nguyên nhân dẫn đến cự cải là do chị N thường đi đêm về khuya, không chung thủy với anh. Anh đã nhiều lần thuyết phục chị N trở về chung sống với anh nhưng chị N không đồng ý. Không hàn gắn được quan hệ vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn. Qua trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Du Thị N và anh Hồ Văn H chung sống và kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn không hòa giải và hàn gắn được. Từ lời trình bày của chị N và anh H tại phiên tòa, thấy rằng ngoài mâu thuẫn thì hiện anh chị không còn tôn trọng lẫn nhau. Chị N không muốn tiếp tục chung sống với anh H nên đã sống riêng. Chị N cương quyết ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H xác định anh, chị có 03 người con chung là Hồ Hải E, sinh ngày 15/10/2000; Hồ Quốc T, sinh ngày 09/02/2004 đang sống chung với anh H; Hồ Triệu P, sinh ngày 22/02/2015 đang sống chung với chị N. Chị N và anh H xác định Hồ Hải Em đã trưởng thành khỏe mạnh, anh chị không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng Hồ Triệu P, giao Hồ Quốc T cho anh H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Hồ Quốc T, chị không cấp dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H nhận nuôi dưỡng Hồ Quốc T và đồng ý giao Hồ Triệu P cho chị N nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị N và anh H là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hồ Quốc T. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao Hồ Quốc T cho anh H nuôi dưỡng, giao Hồ Triệu P cho chị N nuôi dưỡng. Chị N và anh H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Du Thị N về việc xin ly hôn anh Hồ Văn H.

2 - Về con chung: Giao Hồ Triệu P, sinh ngày 22/02/2015 cho chị Du Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Hồ Quốc T, sinh ngày 09/02/2004 cho anh Hồ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Du Thị N, anh Hồ Văn H không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Du Thị N phải chịu 300.000đ. Ngày 16 tháng 12 năm 2019, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001158) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- UBND phường E, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân